BẢN KÊ KHAI CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ Y TẾ, TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ CỦA PHÒNG KHÁM ĐA KHOA HỮU NGHỊ 103 LAI CHÂU

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Phòng khám đa khoa hữu nghị 103 Lai Châu.

2. Địa chỉ: Tổ 1, phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

Điện thoại: 02136251999 Số Fax: ..... Email: .....

3. Quy mô: 06 giường bệnh (giường lưu).

II. TỔ CHỨC:

1. Hình thức tổ chức 1: Phòng khám đa khoa.

2. Cơ cấu tổ chức:

2.1. Phòng khám Nội tổng hợp.

2.2. Phòng khám Ngoại khoa.

2.3. Phòng Siêu âm.

2.4. Phòng X quang.

2.5. Phòng xét nghiệm.

2.6. Phòng răng.

2.7. Phòng Dược.

III. NHÂN SỰ:

1. Danh sách trưởng khoa, phụ trách phòng, bộ phận chuyên môn:

Số TT	Họ và tên người hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp	Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
1	Nguyễn Đức Thuận 01/03/1960	BS CKI Nội khoa	00011/YB-CCHN	Buổi sáng từ 7h30 phút - 11h 30 phút; Buổi chiều từ 13h30 phút - 16h 30 phút	- Người đứng đầu, chịu trách nhiệm chuyên môn - Đảm nhiệm mọi công việc theo nội dung đã đăng ký hành nghề
2	Lù Văn Châu 15/08/1958	BS CKI Ngoại	000121/ LCH-CCHN	Buổi sáng từ 7h30 phút - 11h 30 phút; Buổi chiều từ 13h30 phút - 16h 30 phút	- Đảm nhiệm mọi công việc theo nội dung đã đăng ký hành nghề
3	Trịnh Bá Thành 12/06/1976	BS Đa khoa	060331/CC	Buổi sáng từ 7h30 phút	- Đảm nhiệm mọi

			HN-BQP	- 11h 30 phút; Buổi chiều từ 13h30 phút - 16h 30 phút	công việc theo nội dung đã đăng ký hành nghề
4	Phạm Thi 04/08/1945	BS CKII xét nghiệm	000546/HNO-CCHN	Buổi sáng từ 7h30 phút - 11h 30 phút; Buổi chiều từ 13h30 phút - 16h 30 phút	- Đảm nhiệm mọi công việc theo nội dung đã đăng ký hành nghề
5	Trương Văn Phú 16/02/1955	BS X.quang	000763/LCH-CCHN	Buổi sáng từ 7h30 phút - 11h 30 phút; Buổi chiều từ 13h30 phút - 16h 30 phút	- Đảm nhiệm mọi công việc theo nội dung đã đăng ký hành nghề
6	Bùi Thị Thanh Thảo 16/09/1982	BS CKI Chẩn đoán hình ảnh	0001499/LCH-CCHN	Buổi sáng từ 7h30 phút - 11h 30 phút; Buổi chiều từ 13h30 phút - 16h 30 phút	- Đảm nhiệm mọi công việc theo nội dung đã đăng ký hành nghề
7	Lê Đức Công 30/11/1992	Bác sỹ, chuyên khoa Răng-Hàm- Mặt	003743/YB-CCHN	Buổi sáng từ 7h30 phút - 11h 30 phút; Buổi chiều từ 13h30 phút - 16h 30 phút	- Đảm nhiệm mọi công việc theo nội dung đã đăng ký hành nghề
8	Nguyễn Thị Quỳnh Hà 08/07/1961	Trung học Y, Y sỹ xét nghiệm	0002133/ĐB-CCHN	Buổi sáng từ 7h30 phút - 11h 30 phút; Buổi chiều từ 13h30 phút - 16h 30 phút	- Đảm nhiệm mọi công việc theo nội dung đã đăng ký hành nghề
9	Bùi Thị Phượng 28/01/1990	Điều dưỡng Cao đẳng	000450/LCH-CCHN	Buổi sáng từ 7h30 phút - 11h 30 phút; Buổi chiều từ 13h30 phút - 16h 30 phút	- Đảm nhiệm mọi công việc theo nội dung đã đăng ký hành nghề
10	Bùi Thị Phương 04/02/1985	Điều dưỡng Trung học	0002478/LCH-CCHN	Buổi sáng từ 7h30 phút - 11h 30 phút; Buổi chiều từ 13h30 phút - 16h 30 phút	- Đảm nhiệm mọi công việc theo nội dung đã đăng ký hành nghề
11	Nguyễn Tiến Dũng 01/01/1968	Điều dưỡng Trung học, KTV XQ	001648/LCH-CCHN	Buổi sáng từ 7h30 phút - 11h 30 phút; Buổi chiều từ 13h30 phút - 16h 30 phút	- Đảm nhiệm mọi công việc theo nội dung đã đăng ký hành nghề
12	Nguyễn Tuấn Linh	Điều dưỡng Trung học, KTV XQ	000125/YB-CCHN	Buổi sáng từ 7h30 phút - 11h 30 phút; Buổi chiều từ 13h30 phút - 16h 30 phút	- Đảm nhiệm mọi công việc theo nội dung đã đăng ký hành nghề
13	Nguyễn Tiến Mạnh 18/08/1988	Điều dưỡng Trung học, KTV NS & Sa	002866/YB-CCHN	Buổi sáng từ 7h30 phút - 11h 30 phút; Buổi chiều từ 13h30	- Đảm nhiệm mọi công việc theo nội dung đã đăng ký hành

				phút - 16h 30 phút	nghề
14	Nguyễn Thị Liên 22/02/1989	Điều dưỡng Trung học	000064/LCH-CCHN	Buổi sáng từ 7h30 phút - 11h 30 phút; Buổi chiều từ 13h30 phút - 16h 30 phút	- Đảm nhiệm mọi công việc theo nội dung đã đăng ký hành nghề
15	Phạm thị Hồng Phượng 25/07/1990	Điều dưỡng Trung học	0002467/LCH-CCHN	Buổi sáng từ 7h30 phút - 11h 30 phút; Buổi chiều từ 13h30 phút - 16h 30 phút	- Đảm nhiệm mọi công việc theo nội dung đã đăng ký hành nghề
16	Dương Thị Thoa 05/03/1990	Cao đẳng Điều dưỡng	0002176/LCH-CCHN	Buổi sáng từ 7h30 phút - 11h 30 phút; Buổi chiều từ 13h30 phút - 16h 30 phút	- Đảm nhiệm mọi công việc theo nội dung đã đăng ký hành nghề

2. Danh sách đăng ký người làm việc:

STT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí làm việc[4]
1	Phan Đình Thạnh 07/01/1950	Dược sỹ đại học	Buổi sáng từ 7h30 phút - 11h 30 phút; Buổi chiều từ 13h30 phút - 16h 30 phút	- Đảm nhiệm mọi công việc theo nội dung đã đăng
2	Đặng Thị Bích 09/04/1991	Trung học cao đẳng; 1203/LCH-CCHND	Buổi sáng từ 7h30 phút - 11h 30 phút; Buổi chiều từ 13h30 phút - 16h 30 phút	- Đảm nhiệm mọi công việc theo nội dung đã đăng
3	Trần Thị Bích Hồng 05/08/1998	Điều dưỡng Trung học, định hướng xét nghiệm	Buổi sáng từ 7h30 phút - 11h 30 phút; Buổi chiều từ 13h00 phút - 16h 30 phút	Giúp việc
4	Trần Văn Sinh 15/9/1969		Buổi sáng từ 7h30 phút - 11h 30 phút; Buổi chiều từ 13h30 phút - 16h 30 phút	Trưởng phòng đón tiếp + vật tư
5	Phạm Thị Liên 02/04/1962		Buổi sáng từ 7h30 phút - 11h 30 phút; Buổi chiều từ 13h30 phút - 16h 30 phút	Trưởng phòng Hành chính + Nhân sự
6	Phạm Thị Năm 20/12/1970		Sáng từ 7h30 phút - 11h 30 phút; Chiều từ 13h30 phút - 16h 30 phút	Thủ quỹ + Hành Chính

7	Đỗ Công Minh 05/07/1996		Sáng từ 7h30 phút - 11h 30 phút; Chiều từ 13h30 phút - 16h 30 phút	Kế toán
8	Đinh Công Hà		Cả ngày và đêm	Bảo Vệ
9	Hà Đăng Yên		Cả ngày và đêm	Bảo Vệ

IV. THIẾT BỊ Y TẾ:

Số TT	Tên thiết bị	Ký hiệu (MODEL)	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Số lượng	Tình trạng sử dụng (%)	Ghi chú
1	Máy siêu âm màu	H60	SamSung medison	Hàn Quốc	2017	01	0%	
2	Máy Sinh hoá tự động	Magnum AF 200	Swemed Biomedicals	Ấn Độ	2018	01	0%	
3	Máy Huyết học tự động	Convergys 500	Convergent Technologies CombH	Liên Bang Đức	2018	01	0%	
4	Máy chụp XQ kỹ thuật số	EVA-HF 525 Plus	Công ty liên doanh Y học Việt - Hàn	Việt Nam	2018	01	0%	
5	Máy điện tim 6 kênh	MeCA406i	Medigate	Hàn Quốc	2018	01	0%	
6	Monitor theo dõi BN	VP-1000	VOTEM	Hàn Quốc	2018	01	0%	
7	Máy nội soi TMH	XR - 250	XEROX	Trung Quốc	2018	01	0%	
8	Máy nội soi cổ tử cung	LaidebaoLBD-2000	Sony	Nhật Bản	2018	01	0%	

V. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

1. Tổng diện tích mặt bằng: 4.765 m^2.

2. Tổng diện tích xây dựng: 1.245 m^2. diện tích 13,5 m^2/giường bệnh.

3. Kết cấu xây dựng nhà: Nhà cấp IV.

4. Diện tích xây dựng trung bình cho 01 giường bệnh (đối với bệnh viện).

5. Diện tích các khoa, phòng, buồng kỹ thuật chuyên môn, xét nghiệm, buồng bệnh:

5.1. Phòng khám Nội tổng hợp: 17 m^2.

5.2. Phòng khám Ngoại khoa: 17 m^2.

5.3. Phòng Siêu âm: 17 m^2.

5.4. Phòng X quang: 58 m^2.

5.5. Phòng xét nghiệm: 36,5 m^2.

5.6. Phòng răng: (02 phòng), diện tích 01 phòng 45,0 m^2.

5.7. Phòng Dược: 17 m^2.

5.8. Phong cấp cứu: 40 mm^2.

5.9. Phòng Lưu BN (3 phòng): 81 m^2.

6. Bố trí các khoa/chuyên khoa, phòng (liệt kê cụ thể):

6.1. Phòng khám Nội tổng hợp.

6.2. Phòng khám Ngoại khoa.

6.3. Phòng Siêu âm.

6.4. Phòng X quang.

6.5. Phòng xét nghiệm.

6.6. Phòng nội soi.

6.7. Phòng Điện tim.

6.8. Phòng cấp cứu.

6.9. Phòng lưu BN.

7. Các điều kiện vệ sinh môi trường:

a) Xử lý nước thải: Có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn.

b) Xử lý rác y tế, rác sinh hoạt: Bệnh viện đa khoa tỉnh Lai Châu hỗ trợ xử lý rác thải y tế cho Phòng khám Đa khoa Hữu nghị 103 Lai Châu.

8. An toàn bức xạ: Có giấy chứng nhận an toàn bức xạ.

9. Hệ thống phụ trợ: Có nhà để xe, nhà ăn, nhà ở nhân viên, nhà vệ sinh, cổng, tường bao, nhà kho…

a) Phòng cháy chữa cháy: Có hồ sơ và các dụng cụ, thiết bị PCCC.

b) Máy phát điện: Có máy phát điện dự phòng.

c) Thông tin liên lạc: Có điện thoại cố định và điện thoại di động nội bộ.

10. Cơ sở vật chất khác (nếu có): Không.

Lai Châu, ngày 01 tháng 12 năm 2020

Người đứng đầu

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

Giám đốc

BS CKI: Nguyễn Đức Thuận